hTOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2023/QĐST - HNGĐ	*Đống Đa, ngày 19 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh N T T, sinh năm: 1989;

- Chị B T P, sinh năm: 1989;

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 5 ngõ 21 TS, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ngày 22/01/2016. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân mà cả hai đang gặp phải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện.

Anh T và chị P khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Con chung: Anh T và chị P có 02 con chung là: N H M (nữ), sinh ngày 04/12/2016 và N N B T (nữ), sinh ngày 19/3/2020. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N H M, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N N B T; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh T và chị P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh T và chị P không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Anh T và chị P thống nhất để anh T chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N T T và chị B T P;

- **Về con chung**: Xác nhận anh T và chị P có 02 con chung là: N H M (nữ), sinh ngày 04/12/2016 và N N B T (nữ), sinh ngày 19/3/2020. Giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; anh T và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi anh T, chị P có yêu cầu hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế;

Anh T, chị P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Anh T và chị P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về nợ**: Anh T và chị P không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh T và chị P để anh T chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071325 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh T